

Bản án số: 374/2017/DS-ST
Ngày: 19 – 7 - 2017
V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan
2. Bà Trần Thị Thanh Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2017/TLST-DS ngày 20/3/2017; về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 704/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 976/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; trụ sở chính: Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ chi nhánh: Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật là Ông Võ Minh T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Hồng P; chức vụ: Giám đốc chi nhánh G (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 5 năm 2016) và ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1990 - Nhân viên Quản lý Tín dụng (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 5 năm 2017), (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị Xuân M, sinh năm 1980; địa chỉ: Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2017, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do ông Phạm Hồng P và ông Nguyễn Mạnh C là đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Trương Thị Xuân M có quan hệ tín dụng với Ngân hàng theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ, số Hợp đồng là 032TC000116/14 ngày 10/5/2014, hạn mức thấu chi là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), số tài khoản là 0101006154 với lãi suất 1,35%/tháng, thời hạn vay kể từ ngày 10/5/2014 đến ngày 10/5/2015. Biện pháp đảm bảo là tín chấp. Do bà Trương Thị Xuân M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân

hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/7/2017, bà Trương Thị Xuân M còn nợ các khoản sau: Vốn là 20.162.082 đồng; Lãi quá hạn là 10.452.028 đồng; Tổng cộng cả vốn và lãi quá hạn là 30.614.110 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm mười bốn ngàn một trăm mười đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 30.614.110 đồng (gồm lãi quá hạn, vốn) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/7/2017 theo lãi suất quá hạn của Hợp đồng đã ký, thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ bà Trương Thị Xuân M tới Tòa án tham gia tố tụng, nhưng bà M không tới nên Tòa án không ghi được lời khai của bà M và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP Đ đã ký kết Hợp đồng tín dụng với bà Trương Thị Xuân M theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX tuyên: Bà Trương Thị Xuân M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc là 30.624.110 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 20/7/2017 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Ngày 10/5/2014 bà Trương Thị Xuân M có ký Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ, số Hợp đồng là 032TC000116/14 với Ngân hàng TMCP Đ (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay tiền và sử dụng thẻ, do đó có cơ sở xác định giữa bà M và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như qui định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Do bà M không trả tiền vay nên Ngân hàng khởi kiện, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M cư trú tại quận G, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà M, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà M không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

Về nội dung:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ký ngày 10/5/2014, Ngân hàng đã cấp hạn mức thấu

chi là 30.000.000 đồng cho bà Trương Thị Xuân M, thời hạn thấu chi là 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi cho chủ thẻ, thỏa thuận lãi suất thấu chi trong hạn là 1,35%/tháng, lãi suất thấu chi quá hạn là 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ như đã cam kết nhưng bà M vẫn không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu bà M trả nợ là có căn cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bà M phải thanh toán số tiền 30.614.110 đồng (gồm vốn là 20.162.082 đồng, lãi quá hạn là 10.452.028 đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/7/2017 theo lãi suất quá hạn của Hợp đồng đã ký, thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử thống nhất:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Xuân M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 30.614.110 đồng (gồm vốn là 20.162.082 đồng, lãi quá hạn là 10.452.028 đồng) theo Hợp đồng đã ký, thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/7/2017 bà M còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn tương ứng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 30.614.110 đồng x 5% = 1.530.706 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 713.297 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0018070 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc bà Trương Thị Xuân M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 30.614.110 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm mười bốn ngàn một trăm mười đồng), trong đó bao gồm tiền gốc là 20.162.082 đồng, tiền lãi quá hạn là 10.452.028 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực của Tòa án.

Kể từ ngày 20/7/2017 bà M còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn tương ứng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Xuân M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.530.706 đ (Một triệu năm trăm ba mươi ngàn bảy trăm lẻ sáu đồng). Hoàn lại tiền tạm ứng án số tiền 713.297 đ (Bảy trăm mười ba ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng) cho Ngân hàng TMCP Đ theo biên lai thu số: AA/2016/0018070 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn